

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1	7:25	22	0		22	0	
2		RC6+C10	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
3		RC4+JS2	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
4		RP3	7:25	22	0		22	0	
5		P4+PPD	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
6		RP1+RP2	9:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
7		P4+TD1+PPD	9:25	22+0+0	0+0+0		15+3+2	0+0+0	
8		JS2+C10	9:25	22+0	0+0		11+8	0+0	
9		T.UNG	11:00	13	0		15	0	
10		RP3	11:25	22	0		20	0	
11		JS2+RP1	11:25	9+13	0+0		0+15	0+0	
12		RP1+RC5+RCDM	11:25	7+9+6	0+0+0		5+7+6	0+0+0	
13		RP2+RC3	11:25	16+6	0+0		10+7	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 01	TO: TD1	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV V.A	TD1	11	1	10		110	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN BAO	TD1	27	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH LUAN	TD1	16	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN NHU BANG	TD1	20	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THIỀU	TD1	25	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	21	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	14	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN ĐĂNG KHOA	TD1	24	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG ĐỨC	TD1	12	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	10	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG TIEN	TD1	23	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD1	22	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	BUI CÔNG MINH	TD1	28-29	2	15	20	63	DMC	Vietnamese
15	TRẦN KHẮC HỢP	TD1	30	1	5		65	DMC	Vietnamese
16	PHAN THANH TAI	TD1	17	1	5		55	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG SƠN	TD1	18	1	5		73	DVL	Vietnamese
18	CHU ĐÌNH THANH	TD1	19	1	6		52	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN HUU VIỆT	TD1	13	1	5		65	DVL	Vietnamese
20	TRƯƠNG HUU PHUOC	TD1	26	1	5		60	YTE	Vietnamese
21	TRẦN VĂN PHÚC	TD1	15	1	5		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	21	123	1.498	20	22		
TOTAL		21	21	123	1.498	20	22		
WEIGHT KG				123	1.498	20			

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: RC6 - CLO	CREW: Văn - Dương - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH THI	RC6	49	1	5		120	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN TUNG	RC6	47	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUONG	RC6	50-51	2	17	30	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC LINH	RC6	46	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	KIEU MINH QUYET	RC6	48	1	3		62	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN DINH SAN	CLO	41	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN HUNG	CLO	44	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN CONG PHU	CLO	49	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	VUONG NGOC HOAN	CLO	51	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	LA VIET HUNG	CLO	54	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUONG LONG	CLO	55	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LY	CLO	43	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN SINH	CLO	45	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN KIM HUNG	CLO	53	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRẦN QUANG	CLO	52	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	BUI TRẦN NAM	CLO	46	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM MINH THĂNG*PK-PVD	CLO	47-48	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	MAKAROV	CLO	02	1	4		90	ANTOAN	Russian
20	NGUYỄN HÀM HÀ	CLO	59	1	5		65	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY QUANG	CLO	57-58	2	14	20	65	YTE	Vietnamese
22	LÊ ĐẮC NHÀ	CLO	50	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	5	6	35	394	30	5		
2	CLO	17	19	101	1.265	20	17		
TOTAL		22	25	136	1.659	50	22		
WEIGHT KG				136	1.659	50			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: RC4 - JS2	CREW: Hạnh - KHOÀN - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC4	50	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN CÔNG	RC4	54	1	4	60	83	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU TIẾN BÌNH	RC4	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG PHÚ	RC4	51	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN TUƠNG	RC4	52	1	3		65	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HAI	JS2	76,500	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN NINH	JS2	03	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BINH MINH	JS2	67	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
10	CHU MINH HAN	JS2	52-53	2	17		100	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN NGOC TIEN	JS2	80	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
12	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	99,01	2	15		89	KHOAN	Indian
13	TRAN DO HOAN LAC	JS2	77	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN DỤC CUƠNG	JS2	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	DO DỤC MẠNH	JS2	97	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC TU	JS2	96	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN SANG	JS2	88	1	3	50	63	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VĂN KHOA	JS2	82	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VĂN DUNG	JS2	91	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
20	DANG THE THANH	JS2	01	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRUONG MINH TIEN	JS2	267	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
22	HUYNH KIM LONG	JS2	13	1	7		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	6	31	416	60	5		
2	JS2	16	19	123	1.105	50	17		
TOTAL		22	25	154	1.521	110	22		
WEIGHT KG				154	1.521	110			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: RP3	CREW: VThắng - Khang - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	RP3	82	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	87	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG VAN THUONG	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3	81	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	TU NGOC HAI	RP3	77-78	2	10		78	KHI	Vietnamese
6	LANH TRUNG ĐONG	RP3	83	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	LAM TIEN PHI	RP3	79	1	10		74	KHI	Vietnamese
8	NGO THANH LAM	RP3	74	1	4		70	KHI	Vietnamese
9	ĐUONG HONG QUAN	RP3	86	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET QUANG	RP3	88	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	PHAM DUY DUNG	RP3					76	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	76	1	4		62	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN LAP	RP3					62	KHI	Vietnamese
15	LAI VAN MINH	RP3	75	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	TA PHI KHANH	RP3					70	KHI	Vietnamese
17	QUACH VAN THAO	RP3	80	1	4		73	YTE	Vietnamese
18	PHAM QUANG TRUNG	RP3	73	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN TUAN	RP3	84	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐẠI THANH	RP3	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ QUANG HUNG	RP3	72	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN ANH	RP3	89	1	5	30	78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	18	89	1.515	30	22		
TOTAL		22	18	89	1.515	30	22		
WEIGHT KG				89	1.515	30			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: P4 - PPD	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VIỆT	P4	84	1	4		63	KHI	Vietnamese
2	SUDAKOV A.A	P4	83	1	6		112	KHI	Russian
3	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	96	1	10		74	KHI	Vietnamese
4	ĐÌNH THÈ QUẢN	PPD	93	1	7		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HẢO	PPD	98	1	5		78	KHI	Vietnamese
6	VÔ TÀ QUANG	PPD	10	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	600	1	7		63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	92	1	3		80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	99	1	4		66	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY SƠN	PPD	97	1	4		78	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG THAI	PPD	89	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	90	1	3		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	91	1	4		50	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	95	1	5		78	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	88	1	8		90	KHI	Vietnamese
16	HUYNH NAM LONG	PPD	87	1	8		65	KHI	Vietnamese
17	KHÔNG TIỀN DUNG	PPD	94	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	PHAN VĂN TÙNG	PPD	86	1	10		77	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	200	1	7		78	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN DUNG	PPD					65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	10	175	0	0		
2	PPD	18	17	100	1.282	0	22		
TOTAL		20	19	110	1.457	0	22		
WEIGHT KG				110	1.457	0			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	TO: RP1 - RP2	CREW: Vận - Dương - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAMEDOV	RP1	97	1	6		82	KH-THAC	Russian
2	KOROQLUEV RAMIL	RP1	95	1	5		75	KH-THAC	Russian
3	NIKITIN DMITRIY	RP1	96	1	5	50	90	KH-THAC	Russian
4	VU DINH HOAN	RP1	94	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET THANH	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG TUNG	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC PHONG	RP1	95-96	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN BAN	RP2	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC SANG	RP2	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TANG VAN DUC	RP2	45	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VU QUYEN	RP2	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG DINH YEN	RP2	44	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VAN LY	RP2	59	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC VINH	RP2	47	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET HUNG	RP2	49-50	2	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO VAN TUAN	RP2	52	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
17	VO TUAN ANH	RP2	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH VAN QUAN	RP2	56-58	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN THANH	RP2	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN LONG	RP2	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG XUAN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN DAT	RP2	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	6	32	534	50	5		
2	RP2	15	17	86	983	40	17		
TOTAL		22	23	118	1.517	90	22		
WEIGHT KG				118	1.517	90			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: P4 - TD1 - PPD	CREW: Hạnh - XHOÀN - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	70	1	10		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN BẠCH DUƠNG	P4	66	1	6		75	KHI	Vietnamese
3	BUI HỮU LAN	P4	82	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	69	1	4		87	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	65	1	5		78	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	61	1	4		68	KHI	Vietnamese
7	LÊ NGỌC KÝ	P4	73	1	4		71	KHI	Vietnamese
8	HOANG HUY TIỀN	P4	63	1	7		58	KHI	Vietnamese
9	LÊ TRUNG LAM	P4	67	1	4	80	68	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	62	1	4		68	KHI	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	81	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	PHAN THANH SƠN	P4	80	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
13	ANSEROV V.	P4					80	KH-THAC	Russian
14	LÊ TRUNG HIỆU	P4	59	1	8		90	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN SÁNG	P4	68	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN LONG	P4	64	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
17	BIỆN XUÂN THẮNG	P4	78-79	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẦN VINH	P4	60	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	P4	56	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CHÍNH	P4	57	1	15		79	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LỘC	P4	58	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM MINH TOÀN	P4	71-72	2	18		58	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	194	1.578	80	15		
2	TD1	0	0	0	0	0	4		
3	PPD	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	194	1.578	80	21		
WEIGHT KG				194	1.578	80			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	TO: JS2 - CLO	CREW: VThắng - Khang - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

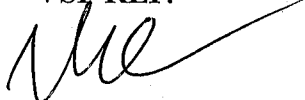
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUANG HUNG	JS2	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM CONG BANG	JS2	16	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
3	LE HUU DUNG	JS2	36	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUC LAM	JS2	38	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
5	BELAIEV	JS2	18	1	10		84	KHOAN	Russian
6	VU TRUNG KIEN	JS2	22	1	14		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN DONG	JS2	17	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC KHOI	JS2	19	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN CONG HOANG	JS2	34	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CONG TUYEN	JS2					77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN HUYEN	JS2	02	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HAI SANG	JS2	30	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VAN GIANG	JS2	06	1	3		77	GETRACO	Vietnamese
14	HAN TRICH GIANG	JS2	20-21	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN SY LUC	JS2	25	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THUYET	JS2	93	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HAI NAM	JS2	39	1	7		77	XAYLAP	Vietnamese
18	LE TRI HAI	JS2	31-32	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
19	TRINH VAN TU	JS2	26-27	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
20	VU DINH DAI	JS2	700	1	15	15	67	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN MANH HUNG	JS2	40,42	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LOI	JS2	23-24	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	26	222	1.540	15	11	1	CHUYEN 1 PAX JS2 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	26	222	1.540	15	18		
WEIGHT KG				222	1.540	15			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 09	TO: T.UNG	CREW: Phương - MTuấn	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	T.UNG	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	45	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH TÂM	T.UNG	42	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	47-48	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	41	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	50	1	5	40	82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	T.UNG	53-54	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	49	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀNG MẠNH HÀ	T.UNG	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG					71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	13	13	56	909	40	15		
TOTAL		13	13	56	909	40	15		
WEIGHT KG				56	909	40			

GRAND TOAL: 1.005 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: RP3	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 13:30
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	97	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN SƠN	RP3	96	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG XUAN HUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TÂN CHÂU	RP3	59	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	94	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN HOA	RP3	49	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	57-58	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	200	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN HIẾN	RP3	45-47	3	7		54	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	52	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM XUAN HOANG	RP3	50-51	2	14		89	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG VAN LUONG	RP3	54	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
13	LAI ĐỨC BAY	RP3	53	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DOAN THANH	RP3	55	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH HÒ	RP3	56	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TỰ HAI	RP3	99	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HUNG	RP3	98	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3	93	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	95	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ QUANG TRUNG	RP3	92	1	10		49	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN SỸ CAO	RP3	48	1	4		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	117	1.521	0	21		
TOTAL		22	24	117	1.521	0	21		
WEIGHT KG				117	1.521	0			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: JS2 - RP1	CREW: Vận - Dương - Huy	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NINH VAN SON	JS2	92,94	2	15	20	72	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VAN TRI	JS2	15	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN DUC VUONG	JS2	14	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN MINH HOAN	JS2	55,76	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VIET DUNG	JS2	79,83	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM KIEN TRUC	JS2	88	1	20		78	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM NGOC DIEU	JS2	60	1	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	JS2	10	1	7		64	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN NGOC VAN	JS2	85	1	8		63	TRUONG	Vietnamese
10	LE MANH HUNG	RP1	62	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAM	RP1	57	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH HIEU	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HO THIEN TAM	RP1	65-66	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TAO QUANG NGAN	RP1	58	1	5	20	63	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DUC THIEN	RP1	61	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	56	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NAM SINH	RP1	100	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CONG TOAN	RP1	59	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	60	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC HONG	RP1	54	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG DINH BA	RP1	55	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN BA QUY	RP1	63-64	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	9	12	121	615	20	0		
2	RP1	13	14	84	940	20	15		
TOTAL		22	26	205	1.555	40	15		
WEIGHT KG				205	1.555	40			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	TO: RP1 - RC5 - RCDM	CREW: Hạnh - KHOẢN - Luy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	02	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUY	RP1	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG THE ANH	RP1	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ VŨ	RP1	03	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	RP1	08	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RP1	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN NGỌ	RP1	04-05	2	12		65	YTE	Vietnamese
8	GUSEINOV	RC5	46	1	10		90	KH-THAC	Russian
9	BUI QUỐC VIỆT	RC5	37	1	5	50	72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NAM THẮNG	RC5	40	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CÚC	RC5	38	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TRUNG	RC5	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH CÔNG	RC5	41	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH THẮNG	RC5	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	36	1	10		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	82-83	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ ĐẮC TOÀN	RCDM	79	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG TỊ	RCDM					65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	80	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÙNG	RCDM	84	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	81	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	8	47	496	0	5		
2	RC5	9	9	55	679	50	7		
3	RCDM	6	6	37	415	50	6		
TOTAL		22	23	139	1.590	100	18		
WEIGHT KG				139	1.590	100			

GRAND TOTAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 13	TO: RP2 - RC3	CREW: VThắng - Khang - Năm	ETA: 13:20
TRANG-3			

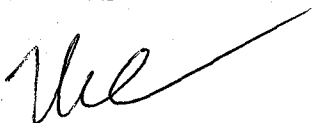
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TUẤN	RP2	66	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM QUANG LỢI	RP2	73	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	69	1	4	40	60	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ DUY QUYÊN	RP2	76	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	74	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHI CUÔNG	RP2	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM BA HOÀNG	RP2	77	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐỨC LONG	RP2	65	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	75	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN QUỐC KHANH	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	71	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
12	DUBOV	RP2	64	1	9		79	KH-THAC	Russian
13	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	67	1	3		67	GETRACO	Vietnamese
14	BUI VĂN QUÂN	RP2	68	1	3		68	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	72	1	10		67	YTE	Vietnamese
16	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	60	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	89	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG HOÀNG ANH	RC3	90	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CÔNG AN	RC3	61	1	6	50	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠ VĂN VIỆT	RC3	88	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN QUYÊN	RC3	91	1	5		56	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	14	73	1.028	40	10		
2	RC3	6	6	33	432	50	7		
TOTAL		21	20	106	1.460	90	17		
WEIGHT KG				106	1.460	90			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

